



Bài báo nghiên cứu

QUÁ TRÌNH DI CƯ VÀ HÌNH THÀNH CỘNG ĐỒNG NGƯỜI NÙNG Ở THỊ TRẤN LIÊN NGHĨA, HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

Nguyễn Thị Hà Giang

Trường Đại học Đà Lạt, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hà Giang – Email: giangnth_ls@dlu.edu.vn

Ngày nhận bài: 12-4-2020; ngày nhận bài sửa: 19-8-2020; ngày duyệt đăng: 15-10-2020

TÓM TẮT

Lịch sử hình thành và phát triển của thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng gắn với quá trình di cư của các tộc người thiểu số phía Bắc từ năm 1954; trong đó, người Nùng là khối cộng đồng cư dân đứng thứ hai (sau người Kinh) về số lượng dân cư ở Liên Nghĩa hiện nay. Bằng phương pháp điền dã dân tộc học tại cộng đồng kết hợp với các nguồn tài liệu lưu trữ, bài viết nghiên cứu về lịch sử di cư và những đặc điểm dân cư của cộng đồng người Nùng ở Liên Nghĩa từ năm 1954 đến nay. Trải qua quá trình di cư, đến năm 2019, ở huyện Đức Trọng có 7892 người Nùng sinh sống, chủ yếu tập trung tại thị trấn Liên Nghĩa. Trong quá trình định cư tại đây, đời sống của người Nùng đã có nhiều biến đổi do sự thích nghi với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội của địa phương. Thông qua kết quả nghiên cứu, chúng tôi lí giải nguyên nhân thúc đẩy luồng di dân này gia nhập cộng đồng dân cư ở Liên Nghĩa đồng thời nhận diện những biến đổi trong đời sống kinh tế – xã hội của cộng đồng người Nùng nơi đây.

Từ khóa: dân tộc thiểu số phía Bắc; di dân; người Nùng; thị trấn Liên Nghĩa; tỉnh Lâm Đồng

1. Mở đầu

Thị trấn Liên Nghĩa, trung tâm hành chính - kinh tế của huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, là vùng đất có lịch sử hình thành và phát triển lâu dài với sự cộng cư của các tộc người khác nhau. Một đặc điểm đáng chú ý trong cộng đồng dân cư nơi đây là sự tập trung sinh sống của các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc đông đảo nhất ở tỉnh Lâm Đồng. Theo số liệu của Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Nghĩa năm 2018, trong số các tộc người thiểu số phía Bắc sinh sống ở đây, người Nùng chiếm số lượng đông nhất và giữ vị trí thứ hai về dân số (sau người Kinh) với 1069 hộ và 5238 nhân khẩu.

Người Nùng ở Liên Nghĩa có nguồn gốc từ các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc Việt Nam như Bắc Giang, Quảng Ninh, Cao Bằng, Lạng Sơn... được tổ chức hoặc di cư tự do

Cite this article as: Nguyen Thi Ha Giang (2020). The migration process and the formation of Nung community in Lien Nghia town, Duc Trong district, Lam Dong province. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 17(10), 1737-1747.

đến đây cùng với các tộc người thiểu số phía Bắc khác từ năm 1954 và liên tục qua các giai đoạn trong lịch sử. Tuy có cùng nguồn gốc từ các địa phương ở trung du miền núi miền Bắc nhưng do chịu tác động của hoàn cảnh lịch sử, cộng đồng di dân người Nùng sau năm 1975 có sự khác biệt về động lực di cư so với cộng đồng di dân trước năm 1975. Đây là cũng là khối cư dân có đóng góp quan trọng cho sự hình thành và phát triển của thị trấn Liên Nghĩa.

2. Vài nét về lịch sử hình thành thị trấn Liên Nghĩa

Trước thế kỉ XX, thị trấn Liên Nghĩa cùng với tỉnh Lâm Đồng hầu như vẫn còn là một vùng đất chưa được khai thác, dân cư thưa thớt chủ yếu là các nhóm tộc người thiểu số tại chỗ và chưa tồn tại các trung tâm hành chính – kinh tế. Vào thời Nguyễn, phần lớn tỉnh Lâm Đồng, trong đó có thị trấn Liên Nghĩa thuộc tỉnh Bình Thuận và đạo Ninh Thuận (People's Committee of Lam Dong province, 2001, p.15). Việc hình thành các trung tâm hành chính ở Lâm Đồng gắn liền với vai trò của người Pháp. Ngày 01/11/1899, khi tỉnh Đồng Nai Thượng (Province du Haut Donnai) được thành lập ở thượng lưu sông Đồng Nai thì thị trấn Liên Nghĩa nằm trong địa giới tỉnh này.

Việc hình thành thị trấn Liên Nghĩa gắn liền với vấn đề di cư và định cư của các tộc người thiểu số phía Bắc đến Lâm Đồng từ năm 1954. Thời gian đầu di cư vào đây, những người di cư được bố trí tạm trú tại Đà Lạt. Trong cuộc họp giữa chính quyền địa phương và đại diện người di cư (chủ yếu là người Thái, Tày) vào ngày 02/9/1954, vùng đất định cư được chọn cho những người di cư này là vùng gần sân bay Cam Ly ở Đà Lạt vì nơi đây đất rộng người thưa, rừng chưa khai phá nhiều. Tuy nhiên, đại diện những người di cư không đồng ý vì đường giao thông đi vào không thuận tiện, hầu như không có sông ngòi để cung cấp nước cho đời sống và sản xuất nông nghiệp. Sau đó, vùng đất từ thác Liên Khàng (nay là thác Liên Khương) tại ngã ba Liên Khương đến thác Gougah (xã Phú Hội, huyện Đức Trọng ngày nay) đã được đề nghị chọn là nơi sinh sống tập trung cho các tộc người thiểu số phía Bắc vì nơi đây có nhiều ưu điểm để định cư (Tran, 1971, p.31-32). Vùng đất này được đặt tên là Đại xã Tùng Nghĩa (nay là thị trấn Liên Nghĩa). Ngày 16/11/1954, có 745 người Thổ (thực chất là người Tày), 523 người Thái và một số ít người Kinh đã lần lượt về vùng đất mới này. Đây là những cư dân ban đầu của xã Tùng Nghĩa. Đến ngày 15/4/1955, có 363 người Nùng Phàn Sinh¹ (gốc Bắc Giang) di chuyển từ vùng sông Mao (huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận ngày nay) đến vùng đất này và gia nhập khối cộng đồng dân cư nơi đây (Tran, 1971, p.93). Người Nùng di cư đến xã Tùng Nghĩa sinh sống tập trung ở hai ấp:

¹ Còn có cách phát âm khác là Nùng Phàn Sinh. Đây là nhóm tên gọi địa phương của người Nùng theo *Danh mục thành phần các dân tộc Việt Nam* được Tổng cục Thống kê ban hành năm 1979. Trong cuốn *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh miền Bắc)* của Viện Dân tộc học xuất bản năm 1998. Đây là tên gọi theo nguồn gốc địa danh, nơi mà từ đó họ di cư đến Việt Nam. Theo đó, người Nùng Phàn Sinh có nguồn gốc từ châu Vạn Thành, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

ấp Lục Nam nằm phía Tây – Nam quốc lộ 20, ấp Nam Sơn nằm ở phía Tây cách quốc lộ 20 khoảng 1 km (Tran, 1971, p.105).

Tháng 5/1958, chính quyền Việt Nam Cộng hòa ra sắc lệnh số 261-NV thành lập tỉnh Tuyên Đức gồm 3 quận: Đức Trọng, Đơn Dương, Lạc Dương và vùng phía Bắc Đà Lạt. Trong đó, quận Đức Trọng gồm có 4 tổng: Ninh Thạnh, Sơn Bình, Đình Tân và Mỹ Lệ; gồm 12 xã: Tùng Nghĩa, Hiệp Thạnh, Phú Ninh, Bình Thạnh, N'Thol Hạ, Đình Văn, Phú Sơn, Lang Bian, Teurlang Tho, Teurlang Deung, Romène và Yenglé (People's Committee of Lam Dong province, 2001, p.742). Riêng ở xã Tùng Nghĩa (thị trấn Liên Nghĩa sau này) được bố trí thành 5 ấp: Cao Bắc Lạng, Cao Thái Sơn, Thái, Nam Sơn và Lục Nam (The Party Committee of Duc Trong district, 2015, p.12) tương ứng với các khu tập trung dân cư thuộc các tộc người thiểu số phía Bắc di cư vào.

Sau năm 1975, do nằm ở vị trí thuận lợi của huyện – giao điểm của quốc lộ 20 và quốc lộ 27 đi Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Tây Nguyên nên xã Tùng Nghĩa đã được sáp nhập với thôn Liên Hiệp để thành lập thị trấn Liên Nghĩa - trung tâm hành chính của huyện Đức Trọng theo Quyết định số 38 – QĐ/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 06/3/1984. Sự thay đổi này xuất phát từ sự gia tăng số lượng dân cư và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện Đức Trọng. Năm 1993, thị trấn Liên Nghĩa đổi tên các thôn thành các khu phố, gồm 12 khu phố được đánh số từ 1 đến 12. Thôn Cao Thái Sơn chia thành khu phố 1 và 2; thôn Thái chia thành khu phố 3 và 5; thôn Liên Hiệp chia thành khu phố 4 và 6; thôn Cao Bắc Lạng chia thành khu phố 7 và 9; thôn Lục Nam đổi thành khu phố 11 và thôn Nam Sơn chia thành khu phố 8, 10 và 12.

Ngày nay, thị trấn Liên Nghĩa là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của huyện Đức Trọng. Bên cạnh tiềm năng kinh tế, nơi đây còn được xem là trung tâm công nghiệp lớn thứ hai của tỉnh Lâm Đồng (sau thành phố Bảo Lộc).

3. Các đợt di cư của người Nùng đến thị trấn Liên Nghĩa

3.1. Giai đoạn từ năm 1954 đến trước năm 1975

Năm 1954, theo nội dung Hiệp định Genève, Việt Nam tạm chia làm 2 miền Nam – Bắc với ranh giới là vĩ tuyến 17. Ngay sau đó đã diễn ra đợt di dân lớn từ Bắc vào Nam. Trong đợt di dân này, điều đáng lưu ý là có sự xuất hiện luồng di dân của dân tộc thiểu số ở các tỉnh phía Bắc. Đến tháng 02/1971, đã có 69.391 người dân tộc thiểu số phía Bắc như: Tày, Thái, Nùng, Mường, Mông, Dao... di dân vào miền Nam, trong đó có 14.341 người di dân vào xã Tùng Nghĩa (nay là thị trấn Liên Nghĩa), tỉnh Lâm Đồng (Tran, 1971, p.11). Hiện tượng di dân của người dân tộc thiểu số phía Bắc vào Nam được Trần Châu Ngọc đánh giá là “sự kiện hết sức đặc biệt trong lịch sử di dân của nước ta”, vì trong lịch sử Việt Nam chưa ghi nhận luồng di dân của người thiểu số với số lượng đông đảo như cuộc di cư năm 1954 (Tran, 1971, p.14). Những người này được chính quyền Việt Nam Cộng hòa tổ chức di dân tập thể đến những “địa điểm đã chọn” (Government Representative Hall in the Central Highlands, 1957, File 3004). Ở Lâm Đồng, những người di cư được bố trí đến khai

thác những vùng bỏ hoang hoặc chưa được khai khẩn. Thời gian để khai phá toàn bộ diện tích được cấp phát là 3 năm và được cấp quyền sở hữu lâu dài (Government Representative Hall in the Central Highlands, 1957, File 2213). Trong bối cảnh đó, những điều kiện thuận lợi để sinh sống và sản xuất nông nghiệp như ở xã Tùng Nghĩa đã trở thành sức hút đối với người di cư như người Nùng.

Sau trận Điện Biên Phủ (07/5/1954), bộ phận người Nùng Phàn Sinh thuộc tỉnh Bắc Giang lui về đồng bằng ven biển cùng với quân đội Pháp. Có hai nhóm người Nùng di chuyển trong đợt này, gồm: người Nùng ở Sơn Động do Nông Thành Hợp đứng đầu và người Nùng ở Lục Nam do Lăng Minh Khoan đứng đầu. Họ tản cư vào ngày 04/9/1954 về bến tàu tại Cẩm Phả (Quảng Ninh). Tháng 01/1955, bộ phận người Nùng này đi theo đường biển về tạm cư tại Lăng Cô (Phước Lộc – Thừa Thiên) rồi được đưa đến khu vực sông Mao, tỉnh Bình Thuận. Nhóm Sơn Động được bố trí tạm trú tại Tân Mai - là một địa điểm gần sông Mao (thuộc xã Hải Ninh, huyện Bắc Bình, Bình Thuận ngày nay), nhóm Lục Nam trú tại Châu Hanh (thuộc xã Phan Thanh, huyện Bắc Bình, Bình Thuận ngày nay), cách sông Mao 10km. Trong tờ trình về tình hình của Phủ Tổng ủy Di cư – tị nạn, Sở di cư về đồng bào tị nạn tại các tỉnh Trung Việt năm 1954 – 1955, tại Bình Thuận, số người Nùng được bố trí tạm trú trong 250 lều vải (Government Representative Hall in the Central Highlands, 1954, File 1999). Ngày 15/4/1955, người Nùng Phàn Sinh mới lên xã Tùng Nghĩa khai phá đất đai và định cư tại đây. Khu vực người Nùng cư trú được đặt tên là ấp Nam Sơn (ghép của 2 chữ Lục Nam và Sơn Động) và ấp Lục Nam (Tran, 1971, p.28).

Những người di cư trong thời gian này cũng có sự ưu tiên lựa chọn những người trong độ tuổi lao động có đủ sức để canh tác lập nghiệp. Đây là chính sách di dân của chính quyền Việt Nam Cộng hòa đối với những vùng như Tây Nguyên (Government Representative Hall in the Central Highlands, 1957, File 3004, File 1906), tránh những trường hợp phải chu cấp như người già, người ốm, phụ nữ, trẻ em (Government Representative Hall in the Central Highlands, 1957, File 2300).

Trong giai đoạn 1954-1956, chính quyền Việt Nam Cộng hòa hỗ trợ cho họ một số công cụ, nhu yếu phẩm mà chủ yếu là bột mì, ngũ cốc. Tuy nhiên, sự cung cấp này không kéo dài được lâu nên họ được khuyến khích “tự do khai phá đất đai” (Tran, 1971, p.142). Khác với người Thái, người Nùng sau khi cư trú tại ấp Nam Sơn đã bắt tay ngay vào canh tác trồng trọt để có thêm nguồn lương thực. Họ tỏ ra là những người rất giỏi làm ăn, đặc biệt là canh tác ruộng nước. Nếu người Thái và người Tày chỉ biết cuộc thì người Nùng đã biết sử dụng trâu để làm sức kéo. Chính vì thế, trong giai đoạn này, người Nùng ở xã Tùng Nghĩa có nhiều đất đai nhất trong số các tộc người thiểu số phía Bắc tại đây (Tran, 1971, p.143). Người Nùng trồng lúa vào mùa mưa và trồng các cây rau màu như: rau cải, khoai tây, hành tỏi vào mùa khô. Cùng với các tộc người thiểu số khác, người Nùng góp phần khai hoang diện tích sản xuất của xã Tùng Nghĩa. Theo thống kê, diện tích khai hoang của

xã Tùng Nghĩa để sản xuất nông nghiệp tăng lên qua các năm: 1700ha (1954), 1868ha (1959), 2500ha (1968), 3580ha (1970) (Tran, 1971, p.141).

Từ năm 1954 đến năm 1960, vẫn có một bộ phận các dân tộc thiểu số phía Bắc tiếp tục được chính quyền Pháp đưa vào đây, trong đó có cả người Nùng. Những người này trước đó cũng làm việc cho quân đội Pháp, nhưng không được ra đi trong năm 1954. Họ đến đây sau, không còn ruộng đất để khai phá nữa, mà chỉ mua lại đất của những người đến trước để ở và canh tác. Vì vậy, phần lớn những người di cư vào sau này có cuộc sống khó khăn hơn những người đến trước.

Ngoài ra, năm 1960, người Nùng Móng Cái ở Hải Ninh (Quảng Ninh ngày nay) cũng tới Tùng Nghĩa để lập nghiệp (Tran, 1971, p.29). Họ tự nhận có nguồn gốc từ Trung Quốc và có thể giao tiếp bằng tiếng Trung với người Việt gốc Trung. Do có sự liên kết đó, mối quan hệ của họ với người Việt gốc Hoa nơi đây càng được củng cố và thắt chặt, đặc biệt là mối quan hệ làm ăn buôn bán. Do đó, bộ phận người Nùng này sinh sống bằng nghề buôn bán với nhiều mặt hàng khác nhau như cà vạt, sách vở, giấy bút, đường, sữa, gạo nếp, rượu, quần áo... (Tran, 1971, p.219). Các tiệm tạp hóa của họ thường mở dọc quốc lộ 20 – là đường giao thông nối thành phố Đà Lạt và Sài Gòn, thuận tiện cho hoạt động buôn bán.

Giai đoạn 1954-1975 đã diễn ra cuộc di cư lớn đầu tiên của cộng đồng người Nùng tại thị trấn Liên Nghĩa. Đến năm 1975, giai đoạn di cư thứ nhất của người Nùng vào thị trấn Liên Nghĩa kết thúc, người Nùng đã cơ bản ổn định tại các khu định cư mới.

3.2. *Giai đoạn từ sau năm 1975*

Từ năm 1976, Lâm Đồng là một trong những địa bàn nằm trong chiến lược điều chỉnh lao động, dân cư, phát triển kinh tế – xã hội vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Từ chủ trương đó, tỉnh Lâm Đồng đã tiếp nhận một số lượng lớn người di cư tới để xây dựng các vùng kinh tế mới. Từ đó cũng dẫn tới sự biến động dân số trong cộng đồng người Nùng ở thị trấn Liên Nghĩa.

Trong số người di cư đến Lâm Đồng ở giai đoạn từ sau năm 1975 có một số người thiểu số phía Bắc như: Nùng, Tày, Thái. Số lượng người này phân bố chủ yếu ở Đức Trọng, một số nơi ở Đơn Dương, Di Linh, Bảo Lộc (Mac, 1983, p.35-36), ven quốc lộ 20 và 21, thuộc về những vùng kinh tế – xã hội đang phát triển, cũng là địa bàn sinh sống trong đợt di cư của giai đoạn 1954-1975. Đặc biệt trong thời gian diễn ra cuộc chiến tranh biên giới Việt – Trung năm 1979, tiếp tục có những người Nùng ở các tỉnh phía Bắc di cư vào đây để lập nghiệp và tìm kiếm cơ hội mưu sinh. Họ là bà con họ hàng, những người cùng quê với những người Nùng đã định cư ở đây từ trước năm 1975. Đây chính là mạng lưới xã hội vững chắc cho những người di cư. Các hộ Nùng di cư vào theo chính sách xây dựng vùng kinh tế mới đều được chính quyền hỗ trợ sản xuất và ổn định đời sống, cụ thể: “Khi đến vùng kinh tế mới, mỗi hộ được phát 500m² đất sản xuất để tự túc trồng trọt lương thực, hai dụng cụ canh tác, thường là cuốc, thuổng.” (Phỏng vấn sâu, nữ, sinh năm 1936, khu phố Nam Sơn, năm 2019). Ngoài ra, có một bộ phận người Nùng là bộ đội, cán bộ

được điều chuyển vào trong thị trấn Liên Nghĩa công tác nên mang theo gia đình. Khi vào, họ định cư tại các làng theo nhóm Nùng di cư giai đoạn 1954. Hoạt động kinh tế chính vẫn là sản xuất nông nghiệp.

Ngoài luồng dân di cư gia nhập cộng đồng, dân số người Nùng ở Liên Nghĩa cũng có sự biến động do số lượng chuyển cư đến những vùng kinh tế khác trong huyện Đức Trọng hoặc các vùng kinh tế mới của tỉnh Lâm Đồng (chủ yếu là huyện Lâm Hà). Trong thời gian này, nhằm mở rộng diện tích canh tác, huyện Đức Trọng cũng thực hiện chính sách giãn dân, vận động vào khu kinh tế mới tại các xã Tà Hin, Tân Thượng, Phi Tô... (People's Committee of Duc Trong district, 1976). Do đó, có một số hộ người Nùng ở thị trấn Liên Nghĩa đã chuyển đến các khu vực kinh tế mới ở một số địa điểm trong huyện như Tà In, Đà Loan (Phỏng vấn sâu, nữ, sinh năm 1963, khu phố Nam Sơn, năm 2019).

Khi chính sách xây dựng vùng kinh tế mới ở Lâm Đồng kết thúc, đặc biệt là khi huyện Lâm Hà được thành lập (1987) đã đánh dấu chấm dứt quá trình di dân có tổ chức, thay vào đó là sự nổi lên của các dòng di dân tự phát, đặc biệt trở nên mạnh mẽ từ sau năm 1986. Vào những năm 90, vẫn có nhóm người Nùng từ miền Bắc di cư tự do vào thị trấn Liên Nghĩa. Theo thống kê của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, từ tháng 01/1990 đến tháng 6/1995, có 351 hộ với 1815 nhân khẩu người Nùng di cư đến huyện Đức Trọng, trong đó có di cư đến thị trấn Liên Nghĩa (People's Committee of Lam Dong province, 1997b). Năm 1996, số lượng người di cư tự do kéo đến Tây Nguyên và Lâm Đồng tăng đột biến là do sự phát triển vượt bậc của kinh tế khu vực này, đặc biệt là giá cà phê tăng cao. Hiệu quả kinh tế cao của cây công nghiệp dài ngày đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào lập vườn trồng cây cà phê, chè... và thu hút lượng dân di cư tự do. Trong hai năm 1996 – 1997, đã có 60 hộ với 234 người Nùng di cư vào huyện Đức Trọng (People's Committee of Lam Dong province, 1997a). Những người Nùng di cư giai đoạn này có nguồn gốc từ các tỉnh Cao Bằng, Sơn La, Lai Châu, Yên Bái, Lào Cai, Lạng Sơn, Bắc Cạn, Thái Nguyên (Department of Agriculture and Rural Development of Lam Dong province, 1997). Họ di cư tự do đến Liên Nghĩa trong giai đoạn này chủ yếu là làm thuê trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Họ trở thành nguồn nhân lực với chi phí thấp, góp phần giải quyết được nhu cầu bức bách về lao động trong những lúc vào đúng thời vụ như làm cỏ, thu hoạch và sơ chế cà phê, rau màu, hoa. Họ cũng mang theo cả gia đình (bố mẹ, con cái) vào đây sinh sống.

Đến năm 2000, cộng đồng người Nùng ở thị trấn Liên Nghĩa đã cơ bản ổn định, tình trạng di dân tự do đến đây không còn. Từ sau năm 1975 đến 2000 là đợt di cư lớn cuối cùng vào thị trấn Liên Nghĩa. Cùng với quá trình di cư và phát triển, cộng đồng người Nùng đã trở thành một khối cư dân chính ở thị trấn Liên Nghĩa. Quá trình tăng dân số của người Nùng ở đây gắn với quá trình di dân được thể hiện ở Bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Bảng thống kê số lượng người Nùng ở huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng từ năm 1954 đến năm 2019

Đơn vị tính: Người

Năm	Người Nùng
1955	363
1979	4280
1999	6246
2019	7892

Nguồn: (Tran, 1971)

4. Đặc điểm dân cư

Nguyên nhân di cư của người Nùng đến thị trấn Liên Nghĩa có thể chia làm 2 nhóm: nguyên nhân liên quan đến kinh tế và nguyên nhân phi kinh tế.

Về nhóm nguyên nhân liên quan đến kinh tế, đối với cư dân nông nghiệp nói chung và dân tộc Nùng nói riêng thì đất canh tác là tư liệu sản xuất mang tính quyết định cho đời sống. Đất đai trở thành nhu cầu bức thiết để sản xuất lương thực, duy trì đời sống. Bên cạnh đó, để giảm thiểu đến mức tối đa những nguy cơ khi di chuyển đến môi trường mới, người di cư thường cố gắng chọn những địa điểm ít rủi ro, nhiều tiềm năng. Ra đi để tìm kiếm cơ hội mưu sinh tốt hơn trở thành mục tiêu hàng đầu của người di cư giai đoạn này, bởi vì “họ ra đi nếu sung sướng thì ở lại làm ăn, nếu cực khổ hơn thì tìm cách trở về làng cũ” (Government Representative Hall in the Central Highlands, 1957, File 3004). Trong khi đó, khu vực thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng giai đoạn này vẫn là vùng đất hoang vu, thưa thớt dân cư, cần được khai phá. Khu vực này tương đối bằng phẳng, khí hậu ôn hòa mát mẻ thích hợp cho sinh sống lâu dài. Về đất đai, ở Liên Nghĩa có các loại đất phù sa thung lũng, thuận lợi cho trồng lúa nước, đất đỏ nâu được hình thành từ đá bazan với độ phủ dày 2m đến trên 7m, thuận lợi trồng các loại cây công nghiệp lâu năm (chủ yếu là cà phê) và các loại rau hoa màu ngắn ngày. Người Nùng cư trú tại ấp Nam Sơn và Lục Nam là vùng trũng, đất mùn ngập nước nên thích hợp với tập quán canh tác nông nghiệp lúa nước.

Thiếu đất sản xuất lương thực cũng trở thành động lực chính dẫn đến di cư tự do của người Nùng sau năm 1975. Ở các tỉnh miền núi phía Bắc, nơi tập trung sinh sống của các tộc người thiểu số, tuy đất rừng còn nhiều nhưng ruộng, đất trồng lúa, trồng lương thực thực phẩm ít và đang dần bị thu hẹp, chất lượng đất càng ngày càng xấu đi. Do tập quán sản xuất truyền thống, các tộc người thiểu số phía Bắc như Nùng ưa thích đến cư trú và sản xuất ở những vùng miền núi còn có mật độ dân số thưa.

Về nhóm nguyên nhân phi kinh tế, di cư vì lý do chính trị chỉ xuất hiện ở người Nùng di cư trước năm 1975, đặc biệt giai đoạn từ sau năm 1954 đến năm 1960. Trong giai đoạn này, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã thực hiện các hoạt động tuyên truyền, lôi kéo các cộng đồng di dân, trong đó có người Nùng, di cư vào trong Nam để “chọn đâu là hạnh

phúc tự do” (Government Representative Hall in the Central Highlands, 1957, File 1906). Tuy nhiên, mục đích thực sự của việc lôi kéo dân di cư giai đoạn này là để có lực lượng khai phá các vùng đất còn hoang vu và là lực lượng phòng thủ tốt nhất để có thể đặt quanh các trung tâm đường vào cửa ngõ của các địa điểm hiểm yếu, quan trọng như thành phố Đà Lạt. Trong khi đó nhận thức của các tộc người giai đoạn này còn hạn chế, dễ bị lôi kéo dụ dỗ. Tuy nhiên, trên thực tế, một số người di cư chỉ nghĩ là họ “di cư tạm thời trong hai năm” (Tran, 1971, p.142), tức là giai đoạn chờ Hiệp thương tổng tuyển cử ở Việt Nam theo quy định của Hiệp định Genève.

Nguyên nhân dẫn đến việc chuyển cư là để tránh chiến tranh diễn ra đối với người Nùng di cư trước và sau năm 1975. Chiến tranh với Pháp ở miền Bắc từ năm 1946 đến 1954 và chiến tranh biên giới phía Bắc năm 1979 đã phá hủy nơi sinh sống của người Nùng, họ mong muốn di cư đến vùng đất mới có môi trường yên ổn để định cư và phát triển kinh tế (Phòng văn sâu, nữ, sinh năm 1963, khu phố Nam Sơn, 2019).

Di cư theo người thân cũng là nguyên nhân phổ biến ở người Nùng. Một trong những đặc trưng di dân người Nùng ở Liên Nghĩa năm 1954 là di dân theo mạng lưới xã hội. Theo báo cáo của Nha di dân và định cư, quy mô di dân sau năm 1954 là di dân cả làng, cả xóm, cả họ hàng thân thích và có đủ thành phần xã hội (Government Representative Hall in the Central Highlands, 1957, File 3004). Bộ phận người Nùng di cư đến từ năm 1954 và hình thành một số vùng tập trung với mật độ đông như ở thị trấn Liên Nghĩa đã trở thành yếu tố hấp dẫn luồng di cư rải rác trong giai đoạn sau. Từ năm 1976, một bộ phận người di cư tự do đã vào Lâm Đồng làm ăn. Sau khi chuẩn bị cơ sở vật chất, đất đai để sản xuất, họ mới đưa toàn bộ gia đình vào và sau đó là kéo theo anh em, họ hàng. Các nhóm Nùng khi di cư vào thường đi cả một làng, rất ít nhà ở lại (Phòng văn sâu, nữ, sinh năm 1936, khu phố Nam Sơn, 2019). Giai đoạn đầu, trong các làng đều xảy ra hiện tượng phân biệt giữa Nùng 1954 và Nùng 1975 về sau. Đến đầu 1986, hiện tượng này biến mất hoàn toàn. Giai đoạn này các khu vực sinh sống của người Nùng có sự xáo trộn. Họ sống xen kẽ với nhau, không còn sống đơn lập thành các làng riêng rẽ như trước.

Người Nùng đến Liên Nghĩa chủ yếu là người canh tác lúa nước. Tuy nhiên, khi đến vùng đất này, những người Nùng di cư đã thích nghi với điều kiện tự nhiên, nhanh chóng chuyển sang trồng cây hoa màu, rau, củ, quả như khoai tây, cà rốt, rau cải, xà lách, củ cải, su su, ớt, hành..., đặc biệt là cây cà phê. Đây là các loại cây trồng thương phẩm, mang lại thu nhập cao. Ngoài ra, do tiếp cận thường xuyên với người Việt (Kinh) cùng sinh sống trong địa bàn, người Nùng đã quen với việc sản xuất hàng hóa và nhanh chóng hoạt động trong lĩnh vực thương mại. Trước năm 1975, ngoài nhóm người Nùng có nguồn gốc từ Móng Cái (Quảng Ninh) hoạt động trong lĩnh vực thương nghiệp, người Nùng Phan Sinh hầu như không tham gia vào quá trình buôn bán tại địa phương. Nhưng từ năm 1975, đặc biệt từ năm 1986, khi kinh tế thị trường xâm nhập, quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh ở thị trấn Liên Nghĩa, các loại hình kinh tế dịch vụ, buôn bán đã xuất hiện ở nhiều hộ gia đình

người Nùng song còn mang tính chất nhỏ lẻ. Việc thích nghi với môi trường tự nhiên, xã hội ở nơi đến thể hiện sự năng động của người di cư trong việc tìm kiếm cơ hội tốt hơn cho mình.

Về thành phần tộc người, tại thị trấn Liên Nghĩa, người Nùng có mặt ở hầu hết các khu phố, trừ khu phố 6. Trong đó, địa bàn tập trung số lượng nhiều nhất là ở các khu phố 8, 10 và 12 (trước đây là thôn Nam Sơn). Người Nùng ở đây chủ yếu thuộc nhóm địa phương Nùng Phàn Sinh, Nùng Cháo, Nùng An, Nùng Inh... trong đó chủ yếu là người Nùng Phàn Sinh. Người Nùng Phàn Sinh đến vào năm 1954, có nguồn gốc từ tỉnh Bắc Giang. Sau năm 1975, nguồn gốc của người Nùng đa dạng hơn. Một điều đáng chú ý và khá phổ biến ở thị trấn Liên Nghĩa là tình trạng một bộ phận người Nùng và người Tày tự nhận là người Thổ. Họ phân biệt với nhau bằng tên gọi Thổ Nùng và Thổ Tày. Tuy nhiên, trong *Địa chí Lâm Đồng* đã đồng nhất người Thổ ở thị trấn Liên Nghĩa với tộc người có cùng tộc danh (People's Committee of Lam Dong province, 2001, p.98). Theo đó, người Thổ trong cuốn *Địa chí Lâm Đồng* được xác định có nguồn gốc ở Nghệ An và được đưa vào *Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam* từ năm 1960. Trong khi đó, người Thổ ở thị trấn Liên Nghĩa là những người dân tộc thiểu số (trong đó có bộ phận người Nùng) di cư từ các tỉnh miền núi phía Bắc từ năm 1954. Như vậy, người Thổ ở Nghệ An được chính thức biết đến sau khi người Thổ ở khu vực phía Bắc di cư vào Lâm Đồng. Do đó, chúng tôi cho rằng cần làm rõ và bổ sung thông tin trong phần nội dung về người Thổ của cuốn *Địa chí Lâm Đồng*.

5. Kết luận

Trên đây là những biến động trong cộng đồng người Nùng – khối cư dân quan trọng ở thị trấn Liên Nghĩa từ năm 1954 đến nay. Nhìn chung, phần lớn người Nùng ở đây là di cư vào từ năm 1954, các bộ phận di cư sau này chiếm một số lượng nhỏ. Hình thức di cư của bộ phận người Nùng trước năm 1975 là di cư có tổ chức vì lí do kinh tế, chính trị và tránh chiến tranh. Đối với bộ phận đến Liên Nghĩa sau năm 1975, chủ yếu là di dân tự do và vì mục đích mưu sinh, tìm kiếm cơ hội tốt hơn cho cuộc sống. Tuy vậy, một đặc điểm chung của hai bộ phận này là thường di chuyển theo người thân, họ hàng, thậm chí là cả làng, hình thành nên khu vực định cư riêng của người Nùng. Di dân người Nùng vốn là những cư dân nông nghiệp lâu đời, có trình độ thâm canh ruộng nước. Tuy nhiên, khi đến Liên Nghĩa, họ đã nhanh chóng thích ứng với môi trường tự nhiên và xã hội nơi đây dẫn đến sự biến đổi mang tính tất yếu trong đời sống của họ. Hơn nữa thế kỉ, trải qua nhiều thời kì, các luồng di cư có tổ chức và di cư tự do cùng với quá trình phát triển và thích ứng đã hình thành nên nhóm người Nùng ở Liên Nghĩa như ngày nay.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Department of Agriculture and Rural Development of Lam Dong province (1997). *Bao cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 1997. Phương hướng nhiệm vụ năm 1998 của Chi cục Di dân phát triển vùng kinh tế mới tỉnh Lâm Đồng* [Reporting on the implementation of 1997 tasks and plans. The 1998 task orientations of the Migration Sub-Department for Development of New Economic Zones of Lam Dong Province].
- Government Representative Hall in the Central Highlands (1954). *To trình của Phủ Tổng ủy Di dân – Ty nạn, Sơ Di dân về tình hình đông bào tị nạn tại các tỉnh Trung Việt năm 1954-1955* [Reporting of the Government Commission on Migration – Refugees, Department of Immigration on the situation of refugees in Central Vietnam in 1954-1955]. Da Lat: File 1999 (filed at National Archives Center IV).
- Government Representative Hall in the Central Highlands (1957). *Hồ sơ về việc đông viên giúp đỡ nhân dân di dân vào nông trường năm 1957* [Documents about encouraging people to immigrate to the farm in 1957]. Da Lat: File 2213 (filed at National Archives Center IV).
- Government Representative Hall in the Central Highlands (1957). *Hồ sơ về việc giải quyết vấn đề di dân của đông bào tại Trung Việt năm 1957* [Files on settlement of migration issues of the people in Central Vietnam in 1957]. Da Lat: File 1906 (filed at the National Archives Center IV).
- Government Representative Hall in the Central Highlands (1957). *Hồ sơ về hoạt động của phái đoàn di dân tại các tỉnh Trung nguyên Trung phần năm 1957* [Files on the activities of immigrant delegations in the Central Highlands provinces in 1957]. Da Lat: File 2300 (filed at National Archives Center IV).
- Government Representative Hall in the Central Highlands (1957). *Hồ sơ về công tác dinh dưỡng cho những gia đình di dân định cư ở Trung tâm Dinh dưỡng Cao nguyên 1957* [Files on the field work for immigrant families settled in the Central Highlands Palace Plant 1957]. Da Lat: File 3004 (filed at National Archives Center IV).
- Mac, D. (1983). *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng* [Ethnic minority issues in Lam Dong]. Lam Dong: Department of Culture and Information of Lam Dong province.
- People's Committee of Duc Trong district (1976). *Phương án di dân nhằm phát triển sản xuất ổn định đời sống nhân dân* [The migration plan aims to develop production and stabilize people's life].
- People's Committee of Lam Dong province (1997a). *Báo cáo tình hình di dân tự do các tỉnh đến Lâm Đồng và phát triển khai Chi thị 660/Ttg ổn định di dân tự do* [Reporting on the situation of free migrants to Lam Dong provinces and implement the Directive 660/Ttg to stabilize free migration].
- People's Committee of Lam Dong province (1997b). *Báo cáo tình hình dân chuyển cư tự do đến Lâm Đồng và những biện pháp khắc phục ổn định dân cư* [Reporting on the situation of people moving freely to Lam Dong and remedies to stabilize the population].

- People's Committee of Lam Dong province (2001). *Dia chi Lam Dong* [Lam Dong chorography]. Hanoi: Ethnic Culture.
- The Party Committee of Duc Trong district (2015). *Lich su truyen thong cach mang cua dang bo va nhan dan thi tran Lien Nghia (1954-2010)* [History of revolutionary traditions of the Party Committee and people of Lien Nghia town (1954-2010)]. Hanoi: National Politics.
- Tran, C. N. (1971). *Khao sat cac sinh hoat cua nguoi thuong du Bac Viet dinh cu tai Tung Nghia* [Survey on activities of the minority people in the North Vietnam residing in Tung Nghia]. Dalat University Institute: Graduate essay.

THE MIGRATION PROCESS AND THE FORMATION OF NUNG COMMUNITY IN LIEN NGHIA TOWN, DUC TRONG DISTRICT, LAM DONG PROVINCE

Nguyễn Thị Hà Giang

Da Lat University, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Thi Ha Giang – Email: giangnth_ls@dlu.edu.vn

Received: April 12, 2020; Revised: August 19, 2020; Accepted: October 15, 2020

ABSTRACT

The history of formation and development of Lien Nghia town, Duc Trong district, Lam Dong province has been associated with the migration of Northern ethnic minorities since 1954. In particular, Nung is a standing community of residents, the second largest (after the Kinh people) population at Lien Nghia. Applying the method of community ethnographic fieldwork and archived documents, the article reports on the migration history and population characteristics of Nung community in Lien Nghia from 1954 to present. Through the migration process by 2019, there are 7,892 Nung people living in Duc Trong district, mainly in Lien Nghia town. During the process of settling down there, the life of the Nung people has changed greatly to adapt to the local natural and social environment. The research results help to explain the reasons of why the Nung people migrated to Lien Nghia and to identify the changes in the socio-economic life of the Nung community there.

Keywords: Northern ethnic minorities; migrants; Nung people; Lien Nghia town; Lam Dong province